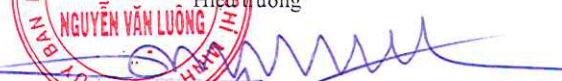


BẢNG KÊ TIỀN ĂN THÁNG 10/2023

TIỀN ĂN		SỐ HS	SỐ TIỀN 1 NGÀY ĂN	SỐ NGÀY ĂN TRONG THÁNG	DỰ THU	THỰC THU	CHÊNH LỆCH						
34.000		1.450	49.300.000	22	1.084.600.000	1.071.578.000	(20.640.816)						
SỐ NGÀY Y ĂN	NGÀY	VEGEFRING	LÊ THÀNH	ĐẮC NHÂN TÂM	YÊN LAM LÂM ĐỒNG	GAS	VIỆT NHỊ	TÂN ĐỨC NHÂN	HOÀNG PHÁT FOOD	TÀI TÀI	HOÀNG HOÀNG PHÁT	HOÀNG NGỌC	CỘNG CHI
1	02-10-2023	6.135.070			2.059.050	3.430.350	13.633.000	18.589.200	9.547.200		10.192.000		63.585.870
2	03-10-2023	618.200		27.216.000	1.669.500		2.707.500	684.600		6.480.000			39.375.800
3	04-10-2023	8.781.910	20.350.000	11.167.200	2.059.050		3.135.000	684.600				9.406.800	55.584.560
4	05-10-2023	86.940		22.638.000	4.417.875	3.430.350	2.850.000	684.600		9.126.000			43.233.765
5	06-10-2023	11.833.800		8.721.000				16.170.000	10.530.000		16.016.000		63.270.800
6	09-10-2023	3.350.620	22.450.000				13.139.500		6.885.000		10.136.000		55.961.120
7	10-10-2023	3.955.450		20.160.000	787.500		2.850.000	684.600		9.180.000			37.617.550
8	11-10-2023	2.826.380	6.435.000		3.071.250		2.850.000	20.057.100	9.852.192			9.406.800	54.498.722
9	12-10-2023	14.760.350		1.296.000	2.100.000	3.430.350	2.850.000	684.600	7.722.000				32.843.300
10	13-10-2023	11.707.850	1.980.000	7.560.000				14.718.900	842.400	9.720.000	11.236.000		57.765.150
11	16-10-2023	231.580	27.900.000		3.307.500	3.430.350	15.699.000	684.600		8.505.000			59.758.030
12	17-10-2023	1.724.150		8.505.000	1.575.000		2.850.000	13.520.850	9.828.000				38.003.000
13	18-10-2023	2.275.920	6.765.000	12.012.000	4.326.525		2.850.000					8.370.000	36.599.445
14	19-10-2023	4.140.000					2.850.000	31.378.200		9.126.000			47.494.200
15	20-10-2023	11.997.900		8.400.000					10.951.200		15.928.000		47.277.100
16	23-10-2023	1.928.310			1.942.500	3.430.350	12.176.500	38.652.600	6.750.000		10.136.000		75.016.260
17	24-10-2023	8.227.850	660.000	19.740.000			3.000.000			8.505.000			40.132.850
18	25-10-2023	4.180.980		24.740.100			2.850.000	684.600		7.521.984		9.828.000	49.805.664
19	26-10-2023	12.228.400	6.290.000		1.575.000		2.850.000	1.711.500	9.450.000				34.104.900
20	27-10-2023	20.993.650	2.640.000	7.365.600		3.430.350			11.232.000		10.136.000		55.797.600
21	30-10-2023	6.240.660		5.292.000	1.748.250		15.752.500	10.269.000		9.180.000	10.136.000		58.618.410
22	31-10-2023	6.142.120	11.250.000				2.850.000	17.127.600		8.505.000			45.874.720
TONG		144.368.090	106.720.000	184.812.900	30.639.000	20.582.100	107.743.000	536.587.150	93.589.992	85.848.984	93.916.000	37.011.600	1.092.218.816

Kế toán

NGÔ THỊ ÁNH MINH

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGUYỄN VĂN LƯƠNG
Ngày 31 tháng 10 năm 2023
Hiệu trưởng

ĐINH PHÚ CƯỜNG